TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – G** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 217/2025/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 13 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn"; giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị A** – Sinh ngày: 02/02/1987;
Số CCCD: 052187012745; Ngày cấp: 21/9/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
Nơi cư trú: Thôn C, xã D, tỉnh G.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn B** – Sinh ngày: 15/5/1980;
Số CCCD: 052080008559; Ngày cấp: 07/3/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
Nơi cư trú: Thôn C, xã D, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị A, anh B xác định vợ chồng 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu E, sinh ngày 23/6/2003 và Nguyễn Tường F, sinh ngày

04/11/2006. Hiện 02 người con đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị A tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) hoàn trả cho chị A theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0004813 ngày 05/11/2025 của A hành án dân sự tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh G;
- VKSND khu vực 3 – G;
- Phòng THADS khu vực 3 – G;
- UBND xã H, huyện J, tỉnh K (Nay là xã D, tỉnh G) (GCNKH số 16, ngày 02/3/2005);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân T